

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA NÔNG NGHIỆP
BỘ MÔN THÚ Y**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH THÚ Y
CHUYÊN NGÀNH DƯỢC THÚ Y (45)**

Cần Thơ, tháng 11 năm 2020

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH THÚ Y
CHUYÊN NGÀNH DƯỢC THÚ Y

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Thú y, chuyên ngành Dược Thú y được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Dược Thú y
Tên chương trình (tiếng Anh)	Pharmacology Veterinary Medicine
Mã số ngành đào tạo	7640101
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Kỹ sư Thú y – chuyên ngành Dược Thú y
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	171 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy, giáo dục thường xuyên
Thời gian đào tạo	5 năm
Đối tượng tuyển sinh	Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none">- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4);- Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10);- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none">- Cán bộ kỹ thuật hoặc lãnh đạo tại các đơn vị khuyến nông, Cục Thú y, Viện Thú y, Chi cục thú y, Trạm thú y, Trung tâm chẩn đoán Thú y Thủy sản, Viện nghiên cứu, Sở Nông Nghiệp và phát triển nông thôn, Sở khoa học công nghệ tại các Thành phố, tỉnh hay tuyến huyện.- Cán bộ kỹ thuật hoặc lãnh đạo tại các công ty xí nghiệp

	<p>kinh doanh như các cơ sở sản xuất thuốc thú y, vắc-xin thú y, dịch vụ thú y và chăn nuôi...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ nghiên cứu và giảng dạy tại các viện nghiên cứu, các trường đại học cao đẳng. - Cán bộ kỹ thuật, quản lý hay điều hành các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất thuốc thú y và các sinh phẩm thú y.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập các chuyên ngành ở các trình độ sau đại học trong lĩnh vực chăn nuôi, Thú y, Công nghệ sinh học. - Thực hiện các nghiên cứu các chuyên ngành sâu về các khoa học: Dược lý học thú y, Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi.
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo đại học ngành Thú y của Trường Đại học Nông Lâm TP HCM - Chương trình đào tạo đại học ngành Thú y (chuyên ngành Dược Thú y) của Trường Đại học Nông Lâm
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023. - Chương trình đào tạo ngành Thú y, chuyên ngành Dược Thú y đã được đánh giá theo chuẩn AUN năm 2018 (điểm trung bình: 5.1)
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 11 năm 2020

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo ngành Thú y, chuyên ngành Dược Thú y là đào tạo sinh viên trở thành Kỹ sư Thú y (chuyên ngành Dược Thú y) có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trình độ năng lực đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực và phát triển kinh tế của đất nước; có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội.

Chương trình đào tạo giúp cho sinh viên hiểu rõ các nguyên lý, nguyên tắc của quá trình sinh học liên quan đến phòng trị bệnh và chăm sóc, quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi, cũng như bảo vệ sức khỏe cộng đồng; có khả năng tham gia và thực hiện công tác quản lý sản xuất trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y; biết ứng dụng các công nghệ mới trong phát triển thuốc và sinh phẩm Thú y; có khả năng tự học, nghiên cứu và nâng cao trình độ.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo:

- a. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, đáp ứng nhu cầu của xã hội trong sự nghiệp phát triển khoa học kỹ thuật về lĩnh vực chuyên ngành Thú y.
- b. Cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng tay nghề thành thạo.
- c. Có sức khỏe tốt, tôn trọng nghề nghiệp.
- d. Có khả năng tiếp tục học tập, tham gia học tập ở các bậc học cao hơn trong và ngoài nước.

- e. Sinh viên tốt nghiệp có đủ năng lực để đảm nhiệm công tác nghiên cứu, quản lý và điều hành: cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật tại các cơ quan, doanh nghiệp, xí nghiệp..., các Cục, viện, trung tâm nghiên cứu, khuyến nông, các chương trình dự án phát triển thuộc lĩnh vực Thú y, các cơ quan hành chính sự nghiệp từ cấp xã, phường trở lên, các cơ sở giáo dục, đào tạo: trung tâm dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học có liên quan đến ngành Thú y.
- f. Có thể tham gia quản lý sản xuất liên quan ứng dụng các công nghệ mới và thích hợp trong phát triển gia súc gia cầm.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

3.1. Kiến thức

3.1.1. Khởi kiến thức giáo dục đại cương

- a. Hiểu biết cơ bản chủ nghĩa Mác - Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- b. Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- c. Hiểu biết những nguyên lý cơ bản trong các hoạt động trao đổi chất của tế bào và đời sống của sinh vật.
- d. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu)..
- e. Áp dụng những kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và cơ bản khác trong việc viết báo cáo, làm tiểu luận, luận văn và báo cáo.

3.1.2. Khởi kiến thức cơ sở ngành

- a. Hiểu biết được các kiến thức cơ sở về cơ thể học, tổ chức học, sinh lý học, nhu cầu dinh dưỡng của động vật.
- b. Hiểu biết và giải thích được quá trình sinh bệnh của gia súc và gia cầm, nguyên lý về hóa dược, cơ chế đáp ứng miễn dịch của động vật, phương pháp giải phẫu và chẩn đoán bệnh.
- c. Thiết kế được bố trí thí nghiệm trong nghiên cứu TY-DTY.
- d. Áp dụng những kiến thức học được trong việc truy tìm tài liệu, tập hợp ý tưởng cho việc thiết kế một đề tài nghiên cứu và viết báo cáo khoa học.

3.1.3. Khởi kiến thức chuyên ngành

- a. Hiểu biết, phân tích và giải quyết được những vấn đề liên quan đến bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng, bệnh nội khoa, bệnh ngoại khoa, bệnh sản khoa trong việc xác định bệnh, phòng bệnh, trị bệnh và quản lý đàn gia súc gia cầm hiệu quả.
- b. Hiểu biết, phân tích và giải quyết được những vấn đề liên quan đến dược lý, độc chất học, kiểm nghiệm dược, kiểm nghiệm sản phẩm động vật trong việc sử dụng thuốc, kháng sinh và vaccine.
- c. Hiểu biết và vận dụng những kiến thức về công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine, thuốc Thú y, sản phẩm dược (từ cây dược liệu), chế phẩm vi sinh vật (probiotic)

- d. Vận dụng những kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành trong việc thiết kế, xây dựng và quản lý đàn gia súc gia cầm hiệu quả.
- e. Vận dụng những kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành trong việc đánh giá những mô hình quản lý đàn gia súc gia cầm.
- f. Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình và những kỹ năng mềm khác.
- g. Phát triển khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh với người nước ngoài đặc biệt là những chuyên gia về lĩnh vực TY-DTY.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

- a. Xác định những điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội để tổ chức sản xuất thuốc thú y với các kỹ năng ứng dụng và thực hành một cách có hiệu quả về quy trình sản xuất thích hợp trong những hệ thống sản xuất an toàn sinh học trong chăn nuôi và thú y vừa đảm bảo có sản phẩm đạt chất lượng an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài góp phần tăng lợi nhuận, đồng thời bảo vệ được môi trường sống.
- b. Tự tin trong nghiên cứu khoa học, biết phân tích và giải quyết vấn đề cũng như ứng dụng được những thành tựu khoa học công nghệ mới liên quan đến công tác sản xuất thuốc thú y, chẩn đoán bệnh, phòng chống bệnh ở vật nuôi trong hệ thống kiểm soát dịch bệnh và an toàn sản phẩm súc sản Thú y.

3.2.2. Kỹ năng mềm

- a. Có kỹ năng làm việc tập thể, đủ khả năng và trình độ để xây dựng các qui trình sản xuất thuốc thú y vừa và hiện đại,
- b. Có thể tham gia hoặc chủ trì thực hiện các khóa huấn luyện và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người chăn nuôi.
- c. Kỹ năng tự học và làm việc độc lập;
- d. Giao tiếp thông dụng bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.
- e. Sử dụng các phần mềm văn phòng cơ bản như Word, Excel, Power-point, khai thác và sử dụng Internet.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- a. Có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp;
- b. Có khả năng làm việc nhóm, khả năng tự học và làm việc độc lập, có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn sản xuất thuốc thú y và chăn nuôi.

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (1)	Chuẩn đầu ra (2)																							Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)	
	Kiến thức (2.1)															Kỹ năng (2.2)									
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)				Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)						Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)							
	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b	c	d	e	f	g	a	b	a	b	c	d	e	a	b
1a	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x			x	
1b	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x			x		
1c	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x		x	x
1d	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
1e	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x
1f	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x		x

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																							Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)	
			Kiến thức (2.1)															Kỹ năng (2.2)									
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)				Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)						Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)							
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b	c	d	e	f	g	a	b	a	b	c	d	e	a	b
Khối kiến thức Giáo dục đại cương																											
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	x																								
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	x																								
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	x																								
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	x																								
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	x																								
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)				x																					
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)				x																					
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)				x																					
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)				x																					
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)				x																					
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)				x																					

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																	Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)										
			Kiến thức (2.1)													Kỹ năng (2.2)														
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)				Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)				Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)												
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	f	g	a	b	a	b	c	d	e	a	b		
12	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)				x																x	x	x	x	x	x	x	x	
13	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)				x																	x	x	x	x	x	x	x	x
14	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)				x																	x	x	x	x	x	x	x	x
15	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)				x																	x	x	x	x	x	x	x	x
16	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)				x																	x	x	x	x	x	x	x	x
17	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)				x																	x	x	x	x	x	x	x	x
18	TN033	Tin học căn bản					x																x	x	x	x	x	x	x	x
19	TN034	TT. Tin học căn bản					x																x	x	x	x	x	x	x	x
20	ML014	Triết học Mác-Lênin	x																				x	x	x	x	x	x	x	x
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x																				x	x	x	x	x	x	x	x
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x																				x	x	x	x	x	x	x	x
23	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x																				x	x	x	x	x	x	x	x
24	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x																				x	x	x	x	x	x	x	x
25	KL001	Pháp luật đại cương		x																			x	x	x	x	x	x	x	x
26	ML007	Logic học đại cương		x																			x	x	x	x	x	x	x	x
27	XH028	Xã hội học đại cương		x																			x	x	x	x	x	x	x	x
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam		x																			x	x	x	x	x	x	x	x
29	XH012	Tiếng Việt thực hành		x																			x	x	x	x	x	x	x	x
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương		x																			x	x	x	x	x	x	x	x
31	NN100	Kỹ năng mềm																					x	x	x	x	x	x	x	x
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp																					x	x	x	x	x	x	x	x
33	TN025	Sinh học đại cương A1				x																	x	x	x	x	x	x	x	x
34	TN039	Hóa học đại cương				x																	x	x	x	x	x	x	x	x
35	NS381	Vi sinh vật trong Nông nghiệp				x																	x	x	x	x	x	x	x	x
36	NN123	Sinh hóa B				x																	x	x	x	x	x	x	x	x
37	NN124	TT. Sinh hóa				x																	x	x	x	x	x	x	x	x
38	TN023	Hóa phân tích đại cương				x																	x	x	x	x	x	x	x	x
39	TN024	TT. Hóa phân tích đại cương				x																	x	x	x	x	x	x	x	x
Khối kiến thức cơ sở ngành																														
40	NN183	Di truyền và chọn giống gia súc					x			x												x	x	x	x	x	x	x	x	x
41	NN102	Cơ thể học gia súc					x			x												x	x	x	x	x	x	x	x	x
42	NN105	Sinh lý gia súc					x			x												x	x	x	x	x	x	x	x	x
43	NN104	Dinh dưỡng gia súc					x			x												x	x	x	x	x	x	x	x	x
44	NN172	Xác xuất thống kê và phép thí nghiệm - CNTY							x	x												x	x	x	x	x	x	x	x	x
45	NS263	Mô học động vật					x			x												x	x	x	x	x	x	x	x	x

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																	Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)								
			Kiến thức (2.1)														Kỹ năng (2.2)											
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)				Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)					Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)									
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b	c	d	e	f	g	a	b	a	b	c	d	e	a	b	
46	NN107	Thức ăn gia súc						x			x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
47	NS256	Hóa dược Thú y						x			x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
48	NS252	Dược động – lực học						x			x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
49	NN317	Nuôi động vật thí nghiệm						x			x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
50	NN533	Dược liệu								x	x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
51	NS112	Miễn dịch học							x		x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
52	NS234	Chẩn đoán thú y						x			x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
53	NN174	Sinh lý bệnh Thú y						x			x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
54	NN121	Giải phẫu bệnh lý									x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
55	NN119	Vi sinh thú y							x		x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
56	NN341	Độc chất học thú y							x		x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
57	NS277	Sinh học phân tử							x		x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
58	NS296	Vi sinh trong Chăn nuôi – Thú y							x		x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
59	NN499	Quyền lợi và tập tính học động vật						x			x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
60	NN114	Tin học ứng dụng – CNTY							x		x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
61	TS252	Thủy sản đại cương						x			x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
62	CN097	Cơ khí Nông nghiệp									x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
63	NS279	Thiết bị và dụng cụ Thú y									x								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Khối kiến thức Chuyên ngành																												
64	NS226	Bào chế và Kiểm nghiệm dược thú y																	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
65	NS253	Dược lý học lâm sàng thú y																	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
66	NN173	Dược lý Thú y																	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
67	NS349	Nội khoa gia súc										x							x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
68	NS273	Sản khoa và gieo tinh nhân tạo										x							x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
69	NN113	Ngoại khoa gia súc										x							x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
70	NN331	Bệnh truyền nhiễm gia súc và gia cầm										x							x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
71	NN348	Thực hành thú y cơ sở										x							x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
72	NS284	Thực tập ngoài trường 1										x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
73	NS350	Thực hành trang trại										x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
74	NS285	Thực tập ngoài trường 2										x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
75	NS351	Thực hành Bệnh xá										x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
76	NS286	Thực tập ngoài trường 3										x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
77	NN333	Bệnh ký sinh gia súc và gia cầm										x							x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
78	NN303	Dịch tễ học										x							x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
79	NN322	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật										x				x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																			Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)								
			Kiến thức (2.1)													Kỹ năng (2.2)														
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)				Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)				Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)												
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	f	g	a	b	a	b	c	d	e	a	b		
80	NN324	Vệ sinh thú y												x						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
81	NN120	Anh văn chuyên môn - TY và DTY																x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
82	XH019	Pháp văn chuyên môn KH&CN																x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
83	NS197	Phương pháp nghiên cứu khoa học nông nghiệp - TY																		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
84	NS261	Luật Dược – Thú y											x	x			x	x								x	x	x	x	x
85	NS229	Bệnh chó mèo												x												x	x	x	x	x
86	NS270	Quản lý dịch bệnh trên đàn gia súc và Một sức khỏe												x												x	x	x	x	x
87	NN318	Vệ sinh môi trường Chăn nuôi - Thú y												x												x	x	x	x	x
88	NN304	Bệnh dinh dưỡng												x												x	x	x	x	x
89	NN339	Chăn nuôi heo B																								x	x	x	x	x
90	NN308	Chăn nuôi ong																								x	x	x	x	x
91	NN336	Chăn nuôi dê																								x	x	x	x	x
92	NN337	Chăn nuôi gia cầm B																								x	x	x	x	x
93	NN338	Chăn nuôi gia súc nhai lại B																								x	x	x	x	x
94	NS230	Bệnh truyền lây giữa động vật và người																								x	x	x	x	x
95	NN310	Chăn nuôi chó, mèo																								x	x	x	x	x
96	NN319	Chăn nuôi thỏ																								x	x	x	x	x
97	NS245	Công nghệ sinh sản động vật																								x	x	x	x	x
98	TS233	Bệnh học thủy sản																								x	x	x	x	x
99	NN536	Công nghệ sinh học Thú y																								x	x	x	x	x
100	NN571	Luận văn tốt nghiệp - Dược TY																								x	x	x	x	x
101	NN562	Tiểu luận tốt nghiệp - Dược TY																								x	x	x	x	x
102	NS254	Dược Thú Y chuyên ngành 1																								x	x	x	x	x
103	NS255	Dược Thú Y chuyên ngành 2																								x	x	x	x	x

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Thú y, chuyên ngành Dược Thú y được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa : 171 tín chỉ
 Khối kiến thức giáo dục đại cương : 51 tín chỉ (Bắt buộc: 36 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)
 Khối kiến thức cơ sở ngành : 44 tín chỉ (Bắt buộc: 36 tín chỉ; Tự chọn: 8 tín chỉ)
 Khối kiến thức chuyên ngành : 76 tín chỉ (Bắt buộc: 39 tín chỉ; Tự chọn: 37 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương											
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành			
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành			
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bố trí theo nhóm ngành			
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bố trí theo nhóm ngành			
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60				I,II,III	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I,II,III	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I,II,III	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		I,II,III	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I,II,III	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I,II,III	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				I,II,III	
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		I,II,III	
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		I,II,III	
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60		FL003		I,II,III	
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL007		I,II,III	
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008		I,II,III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1			15				I,II,III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2				60		TN033	I,II,III
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3			45				I,II,III
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2			30		ML014		I,II,III
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2			30		ML016		I,II,III
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III	
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III	
26	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				I,II,III	
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30					I,II,III
28	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20				I,II,III
29	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30					I,II,III
30	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30					I,II,III
31	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30					I,II,III
32	NN100	Kỹ năng mềm	2			20	20				I,II,III
33	TN025	Sinh học đại cương A1	2	2			30				I,II,III
34	TN039	Hóa học đại cương	2	2			30				I,II,III
35	NS381	Vi sinh vật trong Nông nghiệp	2	2			20	20			I,II
36	NN123	Sinh hóa B	2	2		30				I,II	
37	NN124	TT. Sinh hóa	1	1			30			I,II	
38	TN023	Hóa phân tích đại cương	2	2		30				I,II,III	
39	TN024	TT. Hóa phân tích đại cương	1	1			30			I,II,III	
Cộng: 51 TC (Bắt buộc: 36 TC; Tự chọn: 15 TC)											

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức cơ sở ngành										
40	NN183	Di truyền và chọn giống gia súc	2	2		20	20			I,II
41	NN102	Cơ thể học gia súc	2	2		20	20			I,II
42	NN121	Giải phẫu bệnh lý	3	3		30	30			I,II
43	NN105	Sinh lý gia súc	3	3		30	30			I,II
44	NN107	Thức ăn gia súc	2	2		20	20			I,II
45	NN104	Dinh dưỡng gia súc	2	2		20	20		NN107	I,II
46	NN172	Xác suất thông kê và phép thí nghiệm - CNTY	3	3		30	30			I,II
47	NS263	Mô học động vật	2	2		20	20			I,II
48	NS256	Hóa dược Thú y	2	2		30				I,II
49	NS252	Dược động - lực học	2	2		20	20			I,II
50	NN533	Dược liệu	2	2		20	20			I,II
51	NN112	Miễn dịch học	2	2		20	20			I,II
52	NS234	Chẩn đoán thú y	3	3		30	30			I,II
53	NN174	Sinh lý bệnh Thú y	2	2		20	20			I,II
54	NN119	Vi sinh thú y	2	2		20	20			I,II
55	NN341	Độc chất học thú y	2	2		20	20			I,II
56	NS277	Sinh học phân tử	2			30				I,II
57	NS296	Vi sinh trong Chăn nuôi - Thú y	2			20	20			I,II
58	NN317	Nuôi động vật thí nghiệm	2			20	20			I,II
59	NN499	Quyền lợi và tập tính học động vật	2		8	20	20			I,II
60	NN114	Tin học ứng dụng - CNTY	2			20	20			I,II
61	TS252	Thủy sản đại cương	2			20	20			I,II
62	NS279	Thiết bị và dụng cụ thú y	2			20	20			I,II
63	CN097	Cơ khí nông nghiệp đại cương	2			30				I,II
Cộng: 44 TC (Bắt buộc: 36 TC; Tự chọn: 8 TC)										
Khối kiến thức Chuyên ngành										
64	NS226	Bào chế và Kiểm nghiệm dược Thú y	3	3		30	30			I,II
65	NN173	Dược lý thú y	3	3		30	30			I,II
66	NS253	Dược lý học lâm sàng thú y	2	2		20	20			I,II
67	NS349	Nội khoa gia súc	3	3		30	30			I,II
68	NS273	Sản khoa và gieo tinh nhân tạo	3	3		30	30		NN183	I,II
69	NN113	Ngoại khoa gia súc	2	2		20	20			I,II
70	NN331	Bệnh truyền nhiễm gia súc và gia cầm	3	3		30	30			I,II
71	NN348	Thực hành thú y cơ sở	2		2		60			III
72	NS284	Thực tập ngoài trường 1	2				60		NN348	III
73	NS350	Thực hành trang trại	5		5		150	NN348		III
74	NS285	Thực tập ngoài trường 2	5				150		NS350	III
75	NS351	Thực hành Bệnh xá	5		5		150	NS350		III
76	NS286	Thực tập ngoài trường 3	5				150		NS351	III
77	NN333	Bệnh ký sinh gia súc và gia cầm	3	3		30	30			I,II
78	NS197	Phương pháp nghiên cứu khoa học nông nghiệp - TY	2	2		20	20			I,II
79	NN303	Dịch tễ học	2	2		20	20			I,II
80	NS229	Bệnh chó, mèo	3	3		30	30			I,II
81	NN339	Chăn nuôi heo B	2	2		20	20			I,II
82	NN337	Chăn nuôi gia cầm B	2	2		20	20			I,II
83	NN322	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	2	2		20	20			I,II
84	NN324	Vệ sinh thú y	2	2		20	20			I,II
85	NN120	Anh văn chuyên môn – Thú y	2		2	30		XH025		I,II
86	XH019	Pháp văn chuyên môn - KH&CN	2			30		FL003		I,II
87	NS261	Luật Dược - Thú y	2	2		20	20			I,II
88	NN318	Vệ sinh môi trường chăn nuôi	2		8	20	20			I,II
89	NN338	Chăn nuôi gia súc nhai lại B	2			20	20			I,II
90	NN308	Chăn nuôi ong	2			20	20			I,II
91	NN336	Chăn nuôi dê	2			20	20			I,II
92	NS270	Quản lý dịch bệnh trên đàn gia súc và Một sức khỏe	2			20	20			I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
93	NN304	Bệnh dinh dưỡng	2		15	20	20			I,II	
94	NS230	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	2			20	20			I,II	
95	NN310	Chăn nuôi chó, mèo	2			20	20			I,II	
96	NN319	Chăn nuôi thỏ	2			20	20			I,II	
97	NS245	Công nghệ sinh sản động vật	2			20	20		NS273	I,II	
98	TS233	Bệnh học thủy sản	2			20	20			I,II	
99	NN536	Công nghệ sinh học Thú y	2			20	20			I,II	
100	NN571	Luận văn tốt nghiệp - Dược TY	15				450	≥ 145TC			I,II
101	NN562	Tiểu luận tốt nghiệp - Dược TY	6				180	≥ 145TC			I,II
102	NS254	Dược thú y chuyên ngành 1	4			45	30	≥ 145TC			I,II
103	NS255	Dược thú y chuyên ngành 2	5		45	60	≥ 145TC			I,II	
Cộng: 76 TC (Bắt buộc: 39 TC; Tự chọn: 37 TC)											
Tổng cộng: 171 TC (Bắt buộc: 111 TC; Tự chọn: 60 TC)											

3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1									
1	NN123	Sinh hoá B	2	2		30			
2	NN124	TT. Sinh hoá	1	1			30		
3	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30			
4	TN033	Tin học căn bản	1	1		15			
5	NS381	Vi sinh vật trong nông nghiệp	2	2		20	20		
6	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			
7	TN025	Sinh học đại cương A1	2	2		30			
		Cộng	12	12					
Học kỳ 2									
1	QP006	Giáo dục quốc phòng – An ninh 1 (*)	2	2		30			
2	QP007	Giáo dục quốc phòng – An ninh 2 (*)	2	2		30			
3	QP008	Giáo dục quốc phòng – An ninh 3 (*)	3	3		20	65		
4	QP009	Giáo dục quốc phòng – An ninh 4 (*)	1	1		10	10		
5	ML014	Triết học Mac-Lenin	3	3		45			
6	TN034	TT.Tin học căn bản	2	2			60		
7	TN039	Hoá học đại cương	2	2		30			
		Cộng	15	15					
Học kỳ 3									
1	ML016	Kinh tế chính trị Mac-Lenin	2	2		30		ML014	
2	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		MI016	
3	TC100	Giáo dục thể chất 1	1		1		30		
		Cộng	5	4	1				

Học kỳ 4									
1	XH023	Anh văn căn bản 1	4		4	60			
2	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
3	TC100	Giáo dục thể chất 2	1		1		30		
4	TN023	Hoá phân tích đại cương	2	2		30			
5	TN024	TT. Hoá phân tích đại cương	1	1			30		
6	NN100	Kỹ năng mềm	2		2	20	20		
7	NN102	Cơ thể học gia súc	2	2		20	20		
8	NN105	Sinh lý gia súc	3	3		30	30		
		Cộng	17	10	7				
Học kỳ 5									
1	TC100	Giáo dục thể chất 3	1		1		30		
2	XH024	Anh văn căn bản 2	3		3	45			
3	NN107	Thức ăn gia súc	2	2		20	20		
4	NS263	Mô học động vật	2	2		20	20		
5	NN172	Xác suất thống kê và phép thí nghiệm-CNTY	3	3		30	30		
6	NN183	Di truyền và chọn giống gia súc	2	2		20	20		
7	NS234	Chẩn đoán Thú y	3	3		30	30		
		Cộng	16	12	4				
Học kỳ 6									
1	NN348	Thực hành thú y cơ sở	2		2		60		
		Cộng	2		2				
Học kỳ 7									
1	XH025	Anh văn căn bản 3	3		3	45			
2	NN121	Giải phẫu bệnh lý	3	3		30	30		
3	NN104	Dinh dưỡng gia súc	2	2		20	20		
4	NN119	Vi sinh thú y	2	2		20	20		
5	NN114	Tin học ứng dụng –CNTY	2		2	20	20		
6	NN318	Vệ sinh môi trường chăn nuôi	2		2	20	20		
7	NN174	Sinh lý bệnh Thú y	2	2		20	20		
		Cộng	16	9	7				
Học kỳ 8									
1	NN120	Anh văn chuyên môn thú y	2		2	30		XH025	
2	NN533	Dược liệu	2	2		20	20		
3	NS256	Hoá dược Thú Y	2	2		30			
4	NN338	Chăn nuôi gia súc nhai lại B	2		2	20	20		
5	NN339	Chăn nuôi heo B	2	2		20	20		
6	NN337	Chăn nuôi gia cầm B	2	2		20	20		
7	NN112	Miễn dịch học	2	2		20	20		

8	NS277	Sinh học phân tử	2		2	30			
		Cộng	16	10	6				
Học kỳ 9									
1	NS350	Thực hành trang trại	5		5		15 0	NN348	
		Cộng	5		5				
Học kỳ 10									
1	NS252	Dược động – lực học	2	2		20	20		
2	NS197	Phương pháp NCKH- Nông nghiệp TY	2	2		20	20		
3	NN173	Dược lý Thú y	3	3		30	30		
4	NN317	Nuôi động vật thí nghiệm	2		2	20	20		
5	NN324	Vệ sinh Thú y	2	2		20	20		
6	NS349	Nội khoa gia súc	3	3		30	30		
7	NS230	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	2	2		20	20		
		Cộng	16	14	2				
Học kỳ 11									
1	NN303	Dịch tễ học	2	2		20	20		
2	NS253	Dược lý học lâm sàng Thú Y	2	2		20	20		
3	NN113	Ngoại khoa gia súc	2	2		20	20		
4	NS273	Sản khoa và gieo tinh nhân tạo	3	3		30	30		
5	NN341	Độc chất học Thú y	2	2		20	20		
6	NN499	Quyền lợi và tập tính học động vật	2		2	20	20		
7	NN333	Bệnh ký sinh gia súc và gia cầm	3	3		30	30		
		Cộng	16	14	2				
Học kỳ 12									
1	NS351	Thực hành bệnh xá	5		5		15 0	NS350	
		Cộng	5		5				
Học kỳ 13									
1	NS226	Bào chế và kiểm nghiệm dược Thú y	3	3		30	30		
2	NN331	Bệnh truyền nhiễm gia súc và gia cầm	3	3		30	30		
3	NS229	Bệnh chó mèo	3	3		30	30		
4	NN322	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	2	2		20	20		
5	NS261	Luật Dược – Thú y	2	2		20	20		
6	NS270	Quản lý dịch bệnh trên đàn gia súc và Một sức khỏe	2		2	20	20		

		Cộng	15	13	2			
Học kỳ 14								
1	NN571	Luận văn tốt nghiệp – Dược TY	15		15		450	≥ 145TC
		Cộng	15		15			
		Tổng cộng	171	111	60			

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. Xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự an toàn xã hội.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	3	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, nề nếp chính qui, kỹ năng cơ bản thực hành các động tác Điều lệnh đội ngũ và các kỹ năng quân sự cần thiết, hiểu biết kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao, rèn luyện sức khỏe qua các nội dung quân sự	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4	1	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, rèn luyện kỹ năng sử dụng lựu đạn trong chiến đấu, kỹ năng thực hành chiến đấu trong tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3	3	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tương ứng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng ký học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng ký vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu	Bộ môn Giáo dục Thể chất

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	
6	XH023	Anh văn căn bản 1	4	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	XH024	Anh văn căn bản 2	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9	XH031	Anh văn tăng cường 1	4	Học phần Tiếng Anh tăng cường 1 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
10	XH032	Anh văn tăng cường 2	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 2 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
12	FL001	Pháp văn căn bản 1	4	Chương trình môn Pháp văn căn bản 1 sẽ giúp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bản mẫu tự của tiếng Pháp. Chương trình này cho phép sinh viên học cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại. Bên cạnh đó, sinh viên còn được học cách chào hỏi, hỏi và nói về giờ, giới thiệu bản thân, gia đình và nói về sở thích. Ngoài ra, sinh viên còn có thể vận dụng kiến thức đã học về ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm để viết một số câu đơn giản. Đồng thời, chương trình giảng dạy này cũng hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ của người học ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
13	FL002	Pháp văn căn bản 2	3	Chương trình môn Pháp văn căn bản 2 sẽ trang bị cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng của tiếng Pháp. Nội dung giảng dạy của chương trình này hướng đến mục tiêu là các tình huống giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận hay từ chối lời mời và nói về ngày làm việc thông thường... Nội dung giảng dạy này sẽ cho phép sinh viên làm quen với cách đặt câu hỏi với các đại từ của tiếng Pháp và cách chia động từ nhóm I, nhóm II, một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường và định vị trong không gian.v.v.. Ngoài ra, chương trình giảng dạy này cũng hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ của người học ở trình độ tương đương bậc 3 theo	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
14	FL003	Pháp văn căn bản 3	3	Chương trình môn Pháp văn căn bản 3 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức về các tình huống giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, kể lại một câu chuyện quá khứ và nói về những dự định trong tương lai. Trong chương trình này, sinh viên sẽ được làm quen với các bài đọc, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ và viết thư. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ và tương lai. Ngoài ra, chương trình môn Pháp văn căn bản 3 cũng hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ của người học ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1	4	Chương trình Pháp văn tăng cường 1 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng liên quan đến đời sống hằng ngày về giới thiệu gia đình, miêu tả người, nhà ở, diễn đạt sở thích và diễn đạt cảm xúc/cảm nhận của cá nhân. Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài đọc khoảng 200 từ, viết đoạn văn ngắn khoảng 80-100 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn đề thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2	3	Chương trình Pháp văn tăng cường 2 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế liên quan đến các tình huống trong đời sống hằng ngày về sức khỏe, công việc và thời gian rảnh... Trong chương trình này, sinh viên được làm quen với các bài đọc khoảng 250 từ, viết đoạn văn khoảng 100-140 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn đề thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3	3	Chương trình Pháp văn tăng cường 3 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế liên quan đến các tình huống trong đời sống hằng ngày về phương tiện truyền thông, giao tiếp trên mạng xã hội, du lịch khám phá và về những kỉ	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				niệm... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoá khoảng 300 từ, viết đoạn văn khoảng 140-180 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn để thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
18	TN033	Tin học căn bản	1	Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19	TN034	TT. Tin học căn bản	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác - Lênin bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác - Lênin và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Khoa Khoa học Chính trị
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm; Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt nam.	Khoa Khoa học Chính trị
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
23	ML019	Lịch sử	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích,	Khoa Khoa

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		Đảng Cộng sản Việt Nam		<p>nhệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p>	học Chính trị
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	<p>Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.</p>	Khoa Khoa học Chính trị
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	<p>Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...</p>	Khoa luật
26	ML007	Logic học đại cương	2	<p>Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện.</p>	Khoa Khoa học Chính trị
27	XH028	Xã hội học đại cương	2	<p>Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.</p>	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt Nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung Chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4 rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Học phần trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
31	NN100	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết như kỹ năng giao tiếp, các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả, kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
33	TN025	Sinh học đại cương A1	2	Học phần cung cấp các kiến thức đại cương về cấu trúc, chức năng và các hoạt động sống của tế bào, các cơ chế di truyền học	Khoa Khoa học tự nhiên
34	TN039	Hoá học đại cương	2	Cung cấp những kiến thức cơ bản nhất của môn hoá học như: điều kiện để phản ứng hoá học xảy ra, vận tốc phản ứng, cân bằng hoá học, nồng độ dung dịch, tính được pH của các dung dịch acid, bazơ mạnh, yếu, pH dung dịch muối, dung dịch đệm, phản ứng oxi-hoá khử, pin điện hoá học và sự điện phân.	Khoa Khoa học tự nhiên
35	NS381	Vi sinh vật trong nông nghiệp	2	Vi sinh vật học đại cương là môn học giới thiệu về những sinh vật nhỏ bé trong tự nhiên mà mắt thường không nhìn thấy được hay còn gọi là vi sinh vật. Môn học giới thiệu về	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				phân loại các nhóm vi sinh vật trong tự nhiên, về sự cấu tạo-hình thái của vi sinh vật cũng như các đặc điểm sinh lý, di truyền của vi sinh vật. Môn học giúp học viên làm quen với một số thao tác có khả năng tiếp cận vi sinh vật trong việc nghiên cứu và thực tiễn. Môn học làm rõ tầm quan trọng của vi sinh vật tự nhiên và trong thực tế đặc biệt nhấn mạnh vai trò của vi sinh vật trong nghiên cứu và sản xuất trong nông nghiệp.	
36	NN123	Sinh hóa B	2	Nội dung môn học bám sát theo chương trình giảng dạy Sinh học tại các trường phổ thông trung học với mức độ sâu hơn nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất lý hóa học các hợp chất liên quan đến cơ thể sống như protein, carbohydrate, lipid, hormon, vitamin và chất xúc tác sinh học. Trang bị những kiến thức về các quá trình chuyển hóa vật chất và năng lượng trong cơ thể sống của các nhóm chất chính carbohydrate, lipid và protein thông qua một số các quá trình chuyển hóa cơ bản như quá trình đường phân, chu trình Krebs, chu trình pentose phosphate, sự oxy hóa acid béo, các phản ứng chuyển hóa acid amin, chu trình urea và một số quá trình sinh tổng hợp cơ bản các chất trong cơ thể sống nhằm thấy được mối liên hệ giữa cơ thể sống với môi trường bên ngoài, hiểu rõ hơn về bản chất của sự sống.	Khoa Nông nghiệp
37	NN124	TT. Sinh hóa B	1	Củng cố lại các kiến thức sinh hóa đã học ở phần lý thuyết. Giúp cho sinh viên nắm vững các phương pháp phân tích sinh hóa cơ bản phục vụ cho việc phân tích thành phần hoá học các chất dinh dưỡng trong cơ thể sống như định tính và định lượng carbohydrate, các chỉ số cơ bản trong lipid, định tính và định lượng acid amin, protein và một số vitamin, thí nghiệm chiết tách hợp chất phospholipid, enzyme và nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phản ứng xúc tác enzyme nhằm trang bị những kiến thức nền tảng phục vụ cho việc nghiên cứu nâng cao về kỹ thuật sinh học.	Khoa Nông nghiệp
38	TN023	Hoá phân tích đại cương	2	Cung cấp những kiến thức, những nguyên lý chung của hoá học phân tích, cách tính toán cân bằng ion trong dung dịch như: cân bằng acid-bazo, cân bằng oxi-hoá khử, cân bằng tạo chất ít tan, cân bằng tạo phức, cân bằng phân bố. Lý thuyết phân tích định lượng trình bày cơ sở phân tích các đa lượng như: phương pháp phân tích thể tích, phương pháp phân tích khối lượng. Ngoài ra cũng trình bày cách xử lý thống kê số liệu thực nghiệm, các phương pháp thu thập và xử lý mẫu.	Khoa Khoa học tự nhiên
39	TN024	TT. Hoá phân tích đại cương	1	Môn học giúp sinh viên làm quen với các thao tác và các phương pháp phân tích hoá học phổ biến: phân tích khối lượng, phân tích thể tích, biết cách sử dụng thành thạo các dụng cụ và thiết bị trong phòng thí nghiệm	Khoa Khoa học tự nhiên
40	NN183	Di truyền và chọn giống gia súc	2	Cung cấp người học những kiến thức cơ bản về cấu trúc quần thể vật nuôi, phương pháp tính tần số gen, tần số kiểu gen, tính các tham số di truyền. Ngoài ra còn cung cấp cho người học các kiến thức về đánh giá thú giống, các phương pháp chọn lọc, ghép đôi giao phối và nhân giống gia súc đạt hiệu quả cao nhất nhằm mục tiêu nâng cao năng suất vật nuôi.	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
41	NN102	Cơ thể học gia súc	2	Học phần cung cấp các thông tin tổng quan về cơ thể học vật nuôi; Đặc điểm cấu tạo của bộ xương gia súc, gia cầm, các loại khớp trong một cơ thể; Đặc điểm cấu tạo, vị trí, chức năng của hệ cơ, hệ thần kinh, mạch máu, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu - sinh dục, chức năng hoạt động của hệ nội tiết, cơ quan cảm giác trong cơ thể và đặc điểm, cấu tạo cơ thể học của gia cầm.	Khoa Nông nghiệp
42	NN121	Giải phẫu bệnh lý	3	Giải phẫu bệnh là môn khoa học nghiên cứu những thay đổi về phân tử, sinh hóa, chức năng và những thay đổi hình thái trong tế bào, mô, hoặc cơ quan phản ứng đối phó với những tổn thương. Giải phẫu bệnh đưa ra các khái niệm, nghiên cứu các nguyên nhân, diễn biến các nhóm rối loạn trên cơ thể như rối loạn tuần hoàn, những biến đổi trong dinh dưỡng tế bào, rối loạn chuyển hóa, điều nhiệt và viêm nhiễm, sự chết tế bào và hoại tử, hiện tượng kết thạch, tân bào, cung cấp cho người học các kiến thức trong việc chẩn đoán. Người học nắm bắt các nguyên lý phát sinh bệnh, diễn biến trên các biến đổi ở bệnh tích có thể tư vấn hoặc can thiệp có hiệu quả vào một số rối loạn. Giải phẫu bệnh giúp người học nắm được các cơ chế hình thành các biến đổi để từ đó đưa ra các biện pháp phòng, tránh và xử lý các rối loạn có thể xảy ra.	Khoa Nông nghiệp
43	NN105	Sinh lý gia súc	3	Các nội dung học phần bao gồm ý nghĩa, tầm quan trọng của sinh lý học trong ngành, chức năng và cơ chế điều hòa hoạt động sinh lý của cơ và thần kinh, máu, tim và hệ mạch máu, hô hấp, tiêu hóa, bài tiết, nội tiết, sinh lý sinh sản ở các giống gia súc, gia cầm. Trong mỗi chương được trình bày chức năng cơ bản, cơ chế hoạt động, mối quan hệ và tác động giữa các cơ quan tổ chức trong cơ thể và môi trường sống, có hình ảnh minh họa về cơ chế điều hòa hoạt động của từng cơ quan và phản ứng dụng kiến thức trong thực tế sản xuất của ngành Chăn nuôi-Thú y.	Khoa Nông nghiệp
44	NN107	Thức ăn gia súc	2	Thức ăn gia súc là một môn học cơ sở được chia ra làm 4 nội dung chính: Phân loại thức ăn gia súc, gia cầm; Giới thiệu về đồng cỏ và cây thức ăn gia súc nhiệt đới; Giới thiệu một số phương pháp dự trữ và chế biến thức ăn gia súc phổ biến hiện nay; và Một số phương pháp phối hợp khẩu phần cho gia súc.	Khoa Nông nghiệp
45	NN104	Dinh dưỡng gia súc		Dinh dưỡng gia súc là một môn học cơ sở được chia ra làm 3 nội dung chính: (1) Vai trò các dưỡng chất trong sự tiêu hóa, hấp thu, trao đổi của con vật như: nước, protein, lipid, carbohydrate, chất khoáng đại lượng và vi lượng, các vitamin.... (2) Các nguyên lý về dinh dưỡng và hệ thống giá trị dinh dưỡng. (3) Phương pháp nghiên cứu dinh dưỡng như thí nghiệm cân bằng dinh dưỡng, thí nghiệm nuôi dưỡng và các phương pháp hiện đại dùng đo lường các quá trình sinh học: xác định trao đổi căn bản qua các quá trình bài thải nhiệt, hô hấp...hoặc mô phỏng các quá trình sinh lý sinh hóa bằng những thí nghiệm in - vitro. Ngoài ra còn có các phân tích hóa học để xác định nhu cầu dinh dưỡng của con vật, hay thành phần hóa học của thức ăn.	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
46	NN172	Xác suất thống kê và Phép thí nghiệm - CNTY	3	Học phần gồm các nội dung chính: những khái niệm cơ bản về lý thuyết xác suất; những khái niệm liên quan đến thống kê mô tả, ước lượng các tham số thống kê tổng thể, trắc nghiệm giả thuyết thống kê; khảo sát mô hình hồi quy hai biến; thiết kế các mô hình thí nghiệm cơ bản và phương pháp điều tra chọn mẫu.	Khoa Nông nghiệp
47	NS263	Mô học động vật	2	Học phần giúp cung cấp các kiến thức liên quan đến cấu tạo, chức năng của các tế bào, tổ chức, sự phát sinh, phát triển của phôi thai động vật ở trạng thái sinh lý bình thường, không có bệnh. Các kiến thức này đóng vai trò quan trọng trong việc làm cơ sở cho việc nghiên cứu những thay đổi bệnh lý của các mô, cơ quan. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên tìm hiểu vai trò, chức năng của các cấu trúc, nghiên cứu những phản ứng của tế bào, mô và cơ quan đối với tác động của môi trường; Nghiên cứu, phát hiện những cấu trúc vi thể, siêu vi mới trong tế bào, mô và cơ quan; Tìm hiểu sự hoạt động và ý nghĩa chức năng của chúng; Nghiên cứu những quy luật phát triển và biệt hóa của tế bào và mô; Tìm hiểu sự thích nghi, sự tái tạo sinh lý, sự tái tạo hồi phục của chúng dưới tác động của các yếu tố sinh học, lý học và hóa học.	Khoa Nông nghiệp
48	NS256	Hoá dược Thú y	2	Hoá dược Thú y là môn học cơ sở ngành của ngành Dược Thú y. Môn học cung cấp các kiến thức về sự liên quan giữa các đặc tính lý hoá, cấu trúc hoá học của dược chất với sinh khả năng của thuốc trong cơ thể động vật. Đồng thời, môn học này là cơ sở cho việc ứng dụng trong bào chế, kiểm nghiệm các dược phẩm Thú y, và điều trị bệnh cho động vật. Học phần được giảng dạy bao gồm lý thuyết (10 chương) và thực hành (5 bài) cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của lĩnh vực Hoá dược.	Khoa Nông nghiệp
49	NS252	Dược động-lực học	2	Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về các cơ chế dược động lực học của thuốc trong cơ thể vật nuôi. Từ đó, trang bị kiến thức, kỹ năng cho sinh viên áp dụng vào quá trình bào chế, kiểm nghiệm các dược phẩm Thú y.	Khoa Nông nghiệp
50	NN533	Dược liệu	2	Học phần Dược liệu cung cấp kiến thức về các nguyên tắc thu hái, chế biến, bảo quản cây dược liệu, trình bày các cây dược liệu và tác dụng của các hoạt chất có trong cây dược liệu theo từng chức năng sinh lý vật nuôi và theo từng loại mầm bệnh.	Khoa Nông nghiệp
51	NS234	Chẩn đoán Thú y	3	Chẩn đoán thú y là khoa học chuyên về chẩn đoán lâm sàng và cận lâm sàng trên cơ thể động vật bao gồm bệnh nội khoa, ngoại khoa. Các nội dung mà chẩn đoán thú y đề cập bao gồm: phương pháp chẩn đoán lâm sàng, phương pháp thực hiện các chẩn đoán cận lâm sàng và đọc kết quả và tiên lượng bệnh.	Khoa Nông nghiệp
52	NN174	Sinh lý bệnh Thú y	2	Môn học gồm sinh lý bệnh đại cương, sinh lý bệnh của quá trình bệnh lý chung và sinh lý bệnh cơ quan. - Sinh lý bệnh đại cương trình bày các khái niệm về bệnh, nguyên nhân gây bệnh (bệnh nguyên), bệnh sinh (quá trình phát sinh, phát triển, kết thúc bệnh) và quy luật chung về bệnh.	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				<p>- Sinh lý bệnh các quá trình bệnh lý chung: viêm, điều hòa thân nhiệt, rối loạn chuyển hóa nước và các chất điện giải.</p> <p>- Sinh lý bệnh cơ quan: trình bày bệnh lý các cơ quan như hô hấp, tiêu hóa, gan và tiết niệu</p>	
53	NN119	Vi sinh Thú y	2	<p>Sinh viên được cung cấp kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành thú y về lĩnh vực vi sinh. Sinh viên có thể hiểu được sự tồn tại của các mầm bệnh trong cơ thể vật nuôi và môi trường xung quanh, đồng thời biết được đặc điểm về hình thái, cấu trúc di truyền, sức đề kháng và cách gây bệnh của các loại mầm bệnh này. Môn học sẽ hướng dẫn sinh viên có nhận định ban đầu về một mầm bệnh nào đó, hướng dẫn cách lấy mẫu để mang về phòng thí nghiệm nghiên cứu, chẩn đoán bệnh thông qua các kỹ thuật mang tính chính xác cao trong phòng thí nghiệm, từ đó môn học là cơ sở cho các môn chuyên ngành sau này như môn: bệnh truyền nhiễm, kiểm nghiệm súc sản...Phần thực hành giúp sinh viên có điều kiện kiểm chứng lại một phần lý thuyết đã được học bằng cách tự nuôi cấy phân lập mầm bệnh từ một số loại mẫu bệnh phẩm, đồng thời thử nghiệm để tìm ra được kháng sinh tối hảo nhất cho việc tiêu diệt những mầm bệnh phân lập được.</p>	Khoa Nông nghiệp
54	NN341	Độc chất học Thú y	2	<p>Học phần độc chất học thú y là môn chuyên ngành Thú y. Lý thuyết chia ra làm 2 phần:</p> <p>Phần I. Đại cương về độc chất học thú y: gồm 4 chương</p> <p>Phần II: Bệnh lý độc chất học các hệ thống cơ quan: gồm 9 chương</p> <p>Phần thực hành gồm 6 bài thực hành thao tác trên phòng thí nghiệm, trên lâm sàng và trên động vật thí nghiệm.</p>	Khoa Nông nghiệp
55	NS277	Sinh học phân tử	2	<p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến cấu trúc của vật liệu di truyền (DNA, RNA) và các cơ chế hoạt động của gene. Bao gồm sự sao chép, tức hiện tượng nhân đôi của DNA nhằm đảm bảo sự truyền đạt DNA qua các thế hệ, các đột biến của DNA như đột biến, tái tổ hợp, gene nhảy và các cơ chế sửa sai của tế bào, sự phiên mã tức sự chuyển thông tin từ DNA qua RNA, sự dịch mã hay sự biểu hiện của thông tin di truyền thành tính trạng (protein), sự điều hòa biểu hiện của gene ở Prokaryote và Eukaryote. Các phương pháp tách chiết nucleic acid, các phương pháp định tính và định lượng cơ bản. Tìm hiểu về các enzyme thông dụng trong kỹ thuật di truyền, sự tạo dòng và các vector tạo dòng và thư viện bộ gene, các kỹ thuật sinh học phân tử hiện đại như PCR, Southern blot, Northern blot, giải trình tự DNA.</p>	Khoa Nông nghiệp
56	NS296	Vi sinh trong Chăn nuôi-Thú y		<p>Người học tham gia học phần sẽ được cung cấp những nội dung cơ bản sau:</p> <p>Vi sinh vật học trong chăn nuôi là môn khoa học nghiên cứu về các vi sinh vật có lợi trong chăn nuôi được ứng dụng để sản xuất thức ăn gia súc. Đồng thời, môn học cũng cung cấp thông tin về những vi sinh vật có hại trong sản phẩm động vật và cách phòng, trị chúng.</p> <p>Giáo trình được chia ra làm tám chương. Chương một bao</p>	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				<p>gồm các khái niệm liên quan đến vi sinh vật trong chăn nuôi. Chương hai, ba trình bày các phương pháp sản xuất thức ăn gia súc và các thức ăn vi sinh vật. Chương bốn, năm, sáu nêu lên những vi sinh vật gây hại thường có trong sản phẩm động vật (sữa, thịt, trứng gia cầm) và cách phòng, trị chúng. Chương bảy, tám cung cấp thông tin về hệ vi sinh vật hiện diện trong động vật khỏe và vi sinh vật gây hại đến sức khỏe động vật.</p> <p>Phần thực hành được chia ra làm 3 chương. Chương một trình bày quy trình xác định tổng vi khuẩn hiếu khí. Chương hai cung cấp phương pháp định lượng Coliforms. Chương ba đưa ra quy trình phân tích định tính tổng nấm men nấm mốc.</p>	
57	NS349	Nội khoa gia súc	3	Nội khoa thú y là khoa học chuyên về các bệnh xảy ra ở các cơ quan bên trong của cơ thể vật nuôi (thần kinh, nội tiết, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá và bài tiết) và không truyền lây. Các nội dung mà học phần đề cập ở mỗi bệnh bao gồm: nguyên nhân gây bệnh, cơ chế bệnh, phương pháp chẩn đoán, triệu chứng, tiên lượng bệnh, phương pháp phòng và điều trị.	Khoa Nông nghiệp
58	NN114	Tin học ứng dụng - CNTY	2	Học phần sẽ giúp cho người học nắm bắt được các bước căn bản trong thao tác phần mềm thống kê Minitab (version 13.2 và 16.0) bao gồm: hướng dẫn sử dụng, lập bảng tính, truy xuất kết quả thống kê, vẽ đồ thị và quản lý dữ liệu. Bên cạnh đó, việc ứng dụng Minitab trong thống kê mô tả có thể giúp người học hiểu rõ được các dạng dữ liệu thô, qua đó có thể xử lý và kiểm định một cách chính xác nhất. Người tham gia học phần này cũng tích lũy được kiến thức về bố trí thí nghiệm, phân tích phương sai, phân tích hồi quy và tương quan và trình bày số liệu thống kê đúng theo nguyên tắc của nghiên cứu khoa học.	Khoa Nông nghiệp
59	TS252	Thủy sản đại cương	2	Gồm 5 chương: (1) Tổng quan nghề cá, (2) Lịch sử phát triển nghề cá, (3) Nước-Môi trường sống của cá, (4) Nguyên lý nghề nuôi cá, (5) Những xu hướng và vấn đề phát triển nghề cá. Cung cấp những kiến thức tổng quan về nuôi trồng thủy sản, các khái niệm liên quan chuyên ngành, tổng quan về môi trường nước, chất lượng nước, các nguyên lý trong nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản.	Khoa Thủy sản
60	NS279	Thiết bị và dụng cụ Thú y	2	Sinh viên được cung cấp kiến thức chung về các dụng cụ và thiết bị trong chăn nuôi thú y. sinh viên biết cách sử dụng những dụng cụ và thiết bị này trong công tác phòng và trị bệnh cho gia súc gia cầm, đồng thời trong các nghiên cứu về bệnh trong thú y	Khoa Nông nghiệp
61	CN097	Cơ khí nông nghiệp đại cương	2	Môn học trang bị những kiến thức liên quan đến vận dụng máy móc thiết bị trong sản xuất thức ăn gia súc, thuốc thú y	Khoa Nông nghiệp
62	NS226	Bào chế và Kiểm nghiệm dược Thú y	3	Bào chế và Kiểm nghiệm dược Thú y là môn học cung cấp cơ sở lý thuyết và kỹ thuật thực hành về sản xuất và kiểm nghiệm các dạng dược phẩm Thú y. Đồng thời, môn học cung cấp kiến thức về nghiệp vụ của công tác quản lý, kiểm nghiệm dược phẩm Thú y theo quy định của Việt Nam. Từ đó, sinh viên có thể ứng dụng lý thuyết được học vào thực	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				tế quản lý, sản xuất và kiểm định một số dạng thuốc Thú y thông dụng như: thuốc bột, thuốc viên nang/nén, thuốc dịch uống, thuốc tiêm truyền, thuốc dùng ngoài, vaccine.	
63	NN173	Dược lý Thú y	3	Dược lý thú y cung cấp kiến thức về tác động qua lại giữa thuốc và cơ thể trong đó chia thành hai phần cơ bản là phần đại cương trình bày về dược động học và dược lực học, phần chuyên khoa trình bày tác dụng của thuốc theo từng chức năng sinh lý vật nuôi và theo từng loại mầm bệnh.	Khoa Nông nghiệp
64	NS253	Dược lý lâm sàng Thú y	2	Học phần Dược lý lâm sàng thú y nhằm trang bị những kiến thức và kỹ năng tối ưu hóa việc sử dụng thuốc trong điều trị, phòng bệnh, chẩn đoán cũng như đảm bảo việc sử dụng thuốc một cách hợp lý, hiệu quả, an toàn và kinh tế.	Khoa Nông nghiệp
65	NS273	Sản khoa và gieo tinh nhân tạo	3	Sinh viên tham gia học phần sẽ được cung cấp những nội dung cơ bản và chuyên sâu về sản khoa và gieo tinh nhân tạo gia súc như sau: Phần sản khoa: Sinh lý sinh sản gia súc đực và cái, kỹ thuật xác định gia súc lên giống, kỹ thuật chẩn đoán gia súc có thai, kỹ thuật đỡ đẻ, chẩn đoán và điều trị bệnh sản khoa. Phần gieo tinh nhân tạo: Phương pháp huấn luyện gia súc đực, khai thác tinh, đánh giá được phẩm chất tinh, pha chế thành liều tinh; và kỹ thuật gieo tinh nhân tạo trên gia súc.	Khoa Nông nghiệp
66	NN113	Ngoại khoa gia súc	2	Giới thiệu làm quen với các dụng cụ ngoại khoa, ứng dụng các phương pháp khử trùng trên dụng cụ, con vật, người mổ, và các đối tượng có liên quan khác, ý nghĩa của sự chảy máu và các phương pháp cầm máu, ý nghĩa của việc gây mê, một số thuốc mê dùng trên gia súc, và các phương pháp gây mê, các trường hợp nhiễm trùng và phương pháp xử lý, vết thương và phương pháp cắt mô giải phẫu. Một số trường hợp ngoại khoa thường gặp trên gia súc như hernia, sa trực tràng, cắt sừng, mổ thai, mổ dạ cỏ.	Khoa Nông nghiệp
67	NN331	Bệnh truyền nhiễm gia súc và gia cầm	3	Phần bệnh truyền nhiễm đại cương: cung cấp cho học viên kiến thức về các nguyên nhân truyền nhiễm gây bệnh trên động vật, cơ chế lây bệnh, sự phát sinh dịch bệnh, đặc tính miễn dịch của cơ thể động vật đối với vi sinh vật gây bệnh. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm. Phần bệnh chuyên khoa: Bao gồm Bệnh chung giữa động vật và người, Bệnh trâu bò, bệnh heo và bệnh gia cầm cung cấp cho học viên kiến thức về các nguyên nhân truyền nhiễm gây bệnh, tình hình dịch bệnh ở trong và ngoài nước, tính chất dịch tễ, triệu chứng, bệnh tích, cách chẩn đoán, phương pháp phòng và trị bệnh	Khoa Nông nghiệp
68	NN348	Thực hành thú y cơ sở	2	Học phần này nhằm mục đích củng cố kiến thức chuyên ngành bằng cách tham gia vào thực tế công tác phòng chữa bệnh tại các cơ sở Thú y địa phương. Qua đó, sinh viên vừa được rèn nghề, cũng như tiếp thu các kiến thức thực tế trong công tác Thú y.	Khoa Nông nghiệp
69	NS284	Thực tập ngoài trường 1	2	Học phần này nhằm mục đích củng cố kiến thức chuyên ngành thông qua tham gia vào hoạt động thực tế chuyên môn, kinh doanh tại các công ty; hoặc tham gia thực hiện nghiên cứu tại các phòng thí nghiệm trong ngoài nước không trực thuộc trường. Qua đó, sinh viên vừa được rèn	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				nghề, cũng như tiếp thu các kiến thức thực tế trong lĩnh vực Thú y và nghiên cứu khoa học.	
70	XH019	Pháp văn chuyên môn - KH&CN	2	Học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong lĩnh vực khoa học công nghệ như giới thiệu bản thân, giới thiệu về các hoạt động khoa học kỹ thuật, trình bày các dự án trong lĩnh vực khoa học công nghệ, trao đổi thư từ chuyên môn,... trong đó chú trọng đến từ vựng chuyên ngành kỹ thuật. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Nông nghiệp
71	NS350	Thực hành trang trại	5	Học phần thực hành trang trại được xây dựng giúp sinh viên củng cố kiến thức chuyên ngành; vận dụng kiến thức chuyên ngành vào các hoạt động thực tế ngành Thú y. Nội dung chính của học phần là thực tập thực tế tại các trang trại (hoặc trại gia công) của các Công ty thức ăn Chăn nuôi và Thú y khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh Đông Nam Bộ. Sinh viên tham gia học phần sẽ được gửi đi thực tập thực tế tại các cơ sở trên dưới sự hướng dẫn của Giảng viên ngành Thú y và kỹ thuật viên tại cơ sở đến thực tập. Ngoài ra vào cuối đợt thực tập, sinh viên còn được tham quan một số công ty hoặc trang trại tiên tiến hoạt động trong lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y.	Khoa Nông nghiệp
72	NS285	Thực tập ngoài trường 2	5	Học phần thực hành ngoài trường được xây dựng trên cơ sở thực hành trang trại. Sinh viên tham gia học phần này sẽ được học tập, nghiên cứu ngoài trường (Các trường đại học khác trong và ngoài nước) trong lĩnh vực Thú y. Sinh viên ứng dụng những kiến thức đã học trong thực tập thực tế chuyên ngành Thú y đặc biệt những công việc ở trang trại, phòng thí nghiệm. Thời gian học tập và nghiên cứu ngoài trường là 2-3 tháng dưới sự hướng dẫn đồng thời của quản lý ngành và chuyên gia nước ngoài. Sau khi tham gia thực tập sinh viên phải có xác nhận hoàn thành khóa học hoặc chứng nhận do cơ sở liên kết đào tạo cấp.	Khoa Nông nghiệp
73	NS351	Thực tập Bệnh xá	5	Củng cố kiến thức chuyên ngành bằng cách tham gia vào thực tế về công tác thú y ở các cơ sở thực tập. Nâng cao tay nghề trong công tác thú y.	Khoa Nông nghiệp
74	NS286	Thực tập ngoài trường 3	5	Thực tập ngoài trường 3 là học phần được đào tạo trực tiếp tại cơ sở hoạt động về lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y hoặc Nhân y. Sinh viên được học tập rèn luyện dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo sư, chuyên gia nghiên cứu, nhà sản xuất kinh doanh, cán bộ kỹ thuật ở các cơ sở trong nước hoặc nước ngoài trong thời gian từ 2-3 tháng. Nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng về nghiên cứu, quản lý và kỹ thuật, công nghệ trong thực tế. Học phần giúp người học vận dụng tổng hợp và hệ thống những kiến thức chuyên ngành, kỹ năng tích lũy trong quá trình học. Học phần giúp người học phát triển năng lực độc lập nghiên cứu, làm việc theo nhóm và phát triển tư duy khoa học, sáng tạo, thông qua thực hiện và trình bày một cách khoa học một chuyên đề thú y mang tính cơ sở hay ứng dụng nhằm giải quyết vấn đề thực tiễn.	Khoa Nông nghiệp
75	NN333	Bệnh ký sinh gia súc	3	Qua học tập môn bệnh ký sinh trùng học viên có thể nắm bắt căn nguyên gây bệnh, đặc điểm hình thái kích thước vị	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		và gia cầm		trí ký sinh, cơ chế sinh bệnh, các yếu tố đặc điểm dịch tễ học của bệnh, cách phân loại định danh các loài ký sinh trùng, chu trình phát triển của bệnh bên ngoài cũng như bên trong cơ thể bao gồm nội ngoại ký sinh. Học được cách chẩn đoán bệnh ở thú sống và trên thú chết, phòng ngừa bệnh và điều trị hầu mang lại thiết thực trong chăn nuôi.	
76	NS197	Phương pháp NCKH nông nghiệp-TY	2	Học phần gồm 6 chương. Trong chương 1, sinh viên được giới thiệu về nghiên cứu khoa học. Chương 2 cung cấp kiến thức về phương pháp chọn đề tài khoa học. Chương 3 giúp sinh viên nắm được phương pháp xây dựng đề cương đề tài nghiên cứu khoa học. Chương 4, 5, 6 giúp cho sinh viên nắm được những nội dung chính của một báo cáo khoa học và khâu chuẩn bị cho việc trình bày miệng một báo cáo khoa học.	Khoa Nông nghiệp
77	NN112	Miễn dịch học	2	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch của cơ thể, cấu trúc và chức năng của kháng nguyên và kháng thể, đáp ứng và cơ chế điều hoà đáp ứng miễn dịch, nguyên lý kết hợp đặc hiệu giữa kháng nguyên và kháng thể, các kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán bệnh và nguyên lý bảo quản và sử dụng các loại vắc-xin phòng bệnh. Các kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập sẽ giúp sinh viên làm quen với bản chất của hệ thống miễn dịch cơ thể và hiểu rõ hơn tầm quan trọng của hệ thống miễn dịch đối với bảo vệ sức khỏe con người và các loại vật nuôi.	Khoa Nông nghiệp
78	NN303	Dịch tễ học	2	Dịch tễ học là học phần ứng dụng thống kê và nhiều ngành khoa học khác để nghiên cứu sự phân bố bệnh, các yếu tố liên quan đến bệnh trong một quần thể xác định, ứng dụng trong việc xác định nguyên nhân gây bệnh và kiểm soát dịch bệnh. Các kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập sẽ giúp người học giải quyết các vấn đề có liên quan đến sức khỏe và dịch bệnh của động vật, nghiên cứu xác định nguyên nhân gây bệnh cũng các yếu tố nguy cơ hình thành dịch bệnh, từ đó định hướng công tác phòng chống dịch bệnh cho động vật.	Khoa Nông nghiệp
79	NS229	Bệnh chó mèo	3	Bệnh chó mèo là môn khoa học chuyên về các bệnh xảy ra trên chó và mèo bao gồm các bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng, bệnh nội khoa, bệnh sản khoa. Các nội dung của môn bệnh chó mèo đề cập tới ở mỗi bệnh bao gồm nguyên nhân gây bệnh, Cơ chế bệnh, phương pháp chẩn đoán, Các triệu chứng của bệnh, Tiên lượng bệnh, Phương pháp phòng và điều trị	Khoa Nông nghiệp
80	NN339	Chăn nuôi heo B	2	Học phần Chăn nuôi heo với nội dung bao gồm các yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm như giống heo và công tác giống phải là tiền đề tốt; thức ăn và phối hợp khẩu phần phải phù hợp với chức năng sinh lý và nhu cầu dinh dưỡng của từng loại heo. Chuồng trại và môi trường phải tiện lợi và hợp vệ sinh để heo phát huy tối đa về năng suất và chất lượng. Tổ chức và quản lý chăn nuôi hợp lý với mong muốn làm hạ giá thành sản phẩm và nâng cao giá bán ở thị trường để mang lại lợi nhuận cho nhà chăn nuôi. Chất lượng sản phẩm là yếu tố	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				cần phải được quan tâm đúng mức để đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng, người bán buôn, chế biến cũng như xuất khẩu.	
81	NN337	Chăn nuôi gia cầm B	2	Những kiến thức chung về tầm quan trọng, những đặc điểm của gia cầm. Tình hình chăn nuôi gia cầm ở Việt Nam và thế giới. Đặc điểm sinh trưởng, sức sản xuất của các giống gà và công tác giống gia cầm. Nhu cầu dinh dưỡng và các loại thức ăn trong chăn nuôi gia cầm. Kỹ thuật nuôi các loại gia cầm, kỹ thuật ấp trứng và hệ thống chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học và chăn nuôi hữu cơ. Quy trình phòng bệnh và điều trị một số bệnh thường gặp trên gia cầm. Người học có thể vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tế nghiên cứu và sản xuất gia cầm trong cơ chế thị trường, theo điều kiện và quy mô chăn nuôi đa dạng hiện nay.	Khoa Nông nghiệp
82	NN324	Vệ sinh thú y	2	Sinh viên tham gia học phần sẽ được cung cấp nhwunxg nội dung cơ bản và chuyên sâu về lĩnh vực thú y như: các nguyên tắc trong việc phòng chữa bệnh cho vật nuôi, vệ sinh môi trường không khí, đất, nước, chuồng trại, thức ăn và công tác vệ sinh an toàn dịch bệnh.	Khoa Nông nghiệp
83	NN120	Anh văn chuyên môn – Thú y	2	Sinh viên tham gia học phần sẽ được cung cấp những kiến thức/thuật ngữ chuyên môn chuyên ngành Thú Y như sau: Giải phẫu bệnh, sinh lý tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn, thần kinh, sinh dục và tiết niệu. Ngoài ra học phần anh văn chuyên ngành còn cung cấp những thuật ngữ bệnh truyền nhiễm, bệnh sản khoa, bệnh ký sinh trên gia súc, gia cầm; dược lý Thú y.	Khoa Nông nghiệp
84	NS261	Luật Dược – Thú y	2	Học phần này cung cấp những quy định pháp luật về việc đăng ký lưu hành, sản xuất, buôn bán, xuất nhập khẩu và kiểm nghiệm các dược phẩm Thú y tại Việt Nam.	Khoa Nông nghiệp
85	NN310	Chăn nuôi chó, mèo	2	Học phần này giúp người học hiểu rõ hơn việc chăm sóc về các kỹ thuật chăn nuôi thú cảnh và vận dụng được vào trong quá trình chăm sóc và chăn nuôi các thú cảnh đặc biệt trên chó và mèo.	Khoa Nông nghiệp
86	NN318	Vệ sinh môi trường chăn nuôi	2	Vệ sinh môi trường trong chăn nuôi là môn học cung cấp kiến thức cho sinh viên về nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động của ngành chăn nuôi và thú y. Biết được cách quản lý và xử lý chất thải chăn nuôi để tái sử dụng trong trồng trọt, sản xuất thức ăn gia súc, Biogas và thủy sản; Các mô hình xử lý chất thải tại các trang trại chăn nuôi; Vệ sinh nguồn nước và chăn nuôi sạch.	Khoa Nông nghiệp
87	NN308	Chăn nuôi ong	2	Thông qua lý thuyết trong giáo trình và các giờ giảng có hình ảnh, phim ảnh và tham quan thực tế, sinh viên hiểu biết và có thể học được kỹ thuật tạo chúa, chia đàn, khai thác mật ong và các sản phẩm khác. Các bệnh trên ong như bệnh ký sinh, bệnh do vi khuẩn, do virus, bệnh do ong bị ngộ độc bởi thuốc bảo vệ thực vật, do nguồn hoa có các chất gây độc mà ong thu hoạch về tổ cũng được đưa ra trong học phần này.	Khoa Nông nghiệp
88	NN304	Bệnh dinh dưỡng	2	Học phần cung cấp các nội dung như sau: Khái niệm về bệnh dinh dưỡng và những diễn tả những nguyên tắc chủ yếu gây bệnh do năng lượng và các dưỡng chất như protein,	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				chất béo, khoáng và vitamin; Tầm quan trọng trong quản lý, các rối loạn do trao đổi chất và các yếu tố vật lý gây bệnh trên vật nuôi; Các hợp chất thứ cấp, độc chất và nấm mốc có trong thực vật, động vật và các loại thức ăn khác. Ở mỗi bệnh, sinh viên sẽ được cung cấp các nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, cách chẩn đoán, phương pháp phòng bệnh và cách điều trị.	
89	NN317	Nuôi động vật thí nghiệm	2	Nội dung của học phần giúp cho sinh viên nắm vững kiến thức về cách chọn giống, quản lý chăm sóc nuôi dưỡng động vật trước và sau thí nghiệm; cách cầm cột, tiêm chích, giải phẫu.	Khoa Nông nghiệp
90	NN319	Chăn nuôi thỏ	2	Học phần này cung cấp các nội dung sau: 1. Tầm quan trọng và đặc điểm sinh học của thỏ, 2. Giống và công tác giống thỏ, 3/. Dinh dưỡng và thức ăn của thỏ, 4. Chuồng trại nuôi thỏ, 5. Kỹ thuật nuôi thỏ, 6. Những bệnh thường gặp ở thỏ, và 7. Các phương pháp chế biến thịt thỏ.	Khoa Nông nghiệp
91	NN336	Chăn nuôi dê	2	Chăn nuôi dê là môn học chuyên ngành bao gồm 4 nội dung chính: (1) Vai trò, ý nghĩa, tình hình chăn nuôi dê trên thế giới và Việt Nam; Nguồn gốc xuất xứ và đặc điểm sinh học của dê; (2) Đặc điểm các giống dê trên thế giới và Việt Nam; Đặc điểm dinh dưỡng thức ăn của dê; (3) Chuồng trại trong chăn nuôi dê và (4) Kỹ thuật nuôi dưỡng các loại dê.	Khoa Nông nghiệp
92	NN338	Chăn nuôi gia súc nhai lại B	2	Nghiên cứu những kiến thức về cách chọn giống và những loại thức ăn có thể sử dụng trong chăn nuôi, lượng thức ăn cho ăn hàng ngày. Những kiến thức về thiết kế, xây dựng chuồng trại, các kiểu chuồng nuôi hiện nay tại Việt Nam. Một số kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý trong chăn nuôi. Hiểu biết những yếu tố ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi, những quy định sản xuất sản phẩm chăn nuôi sạch, và các quy trình sạch đang được áp dụng...để chăn nuôi đạt năng suất cao, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người chăn nuôi.	Khoa Nông nghiệp
93	NN499	Quyền lợi và tập tính học động vật	2	Trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quát về tập tính của từng loài động vật nuôi, ứng dụng vào thực tế. Những vấn đề về nhân đạo cũng như mối liên hệ giữa chăm sóc, tập tính và bệnh tật ở vật nuôi.	Khoa Nông nghiệp
94	NN322	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	2	Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như sau: vi sinh vật thực phẩm; bệnh động vật lây sang người; hoá sinh học thịt, sự biến đổi của thịt; kỹ thuật thiết kế xây dựng lò mổ; kỹ thuật khám thú sống và khám thịt trong và sau khi giết mổ, các bệnh lý thường gặp khi khám thịt, mối liên quan giữa bệnh lý trên hạch lâm ba và bệnh trên quày thịt; các phương pháp bảo quản thịt và súc sản phẩm; kiểm nghiệm sữa, trứng và loài nhuyễn thể.	Khoa Nông nghiệp
95	NS270	Quản lý dịch bệnh trên đàn gia súc và Một sức khỏe	2	Sinh viên tham gia học phần sẽ được cung cấp những kiến thức chuyên ngành về quản lý dịch bệnh và một sức khỏe như: nguyên tắc phòng chống dịch bệnh động vật, bệnh truyền lây động vật sang người; chiến lược kiểm soát, phòng và chống bệnh dịch động vật và bệnh truyền lây động vật và người; một sức khỏe và các năng lực cốt lõi MSK. Bên cạnh đó sau khóa học sinh viên có khả năng quản lý dịch bệnh động vật, bệnh truyền lây động vật sang	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				người và các vấn đề sức khỏe.	
96	NS230	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	2	<p>Qua học tập môn bệnh truyền lây giữa động vật và người, học viên có thể nắm bắt căn nguyên gây bệnh, đặc điểm hình thái kích thước vị trí ký sinh, cơ chế sinh bệnh, các yếu tố đặc điểm dịch tễ học của bệnh, cách phân loại định danh các loài bệnh do vi-rút, vi khuẩn, ký sinh trùng cơ chế sinh bệnh, con đường truyền lây của bệnh bên ngoài cũng như bên trong cơ thể.</p> <p>Học được cách phòng ngừa bệnh và điều trị hầu mang lại thiết thực trong chăn nuôi cũng như bảo vệ sức khỏe cộng đồng.</p>	Khoa Nông nghiệp
97	NS245	Công nghệ sinh sản động vật	2	Sinh viên tham gia học phần sẽ được cung cấp những nội dung cơ bản và chuyên sâu về công nghệ sinh sản: Sinh lý sinh sản gia súc, đặc điểm lên giống của gia súc; công nghệ thụ tinh nhân tạo; công nghệ cấy truyền hợp tử; ứng dụng hormone trong kích thích lên giống đồng loạt, siêu bầy noãn, điều trị bệnh chậm sinh và các bệnh sản khoa khác.	Khoa Nông nghiệp
98	TS233	Bệnh học Thủy sản	2	Kiến thức cơ bản về bệnh học thủy sản, các khái niệm về bệnh lý, nguyên nhân và điều kiện xuất hiện bệnh, các phương pháp chẩn đoán phòng trị bệnh cá tôm tổng hợp trong thủy sản, giới thiệu việc sử dụng thuốc và hoá chất trong nuôi trồng thủy sản một cách an toàn và hiệu quả. Giới thiệu đặc điểm bệnh học, dịch tễ học để kiểm soát dịch bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn, vi-rút, ký sinh trùng, nấm, giáp xác ký sinh trên động vật thủy sản và các phi sinh vật khác gây hại cá tôm.	Khoa Thủy sản
99	NN536	Công nghệ sinh học Thú y	2	Môn học cung cấp kiến thức cơ bản, cơ sở khoa học, nguyên lý và kỹ thuật của ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại trong lĩnh vực thú y. Trong đó cung cấp các kiến thức về cơ chế phát sinh dịch bệnh, phương pháp chẩn đoán truyền thống và hiện đại, phương pháp phòng và trị bệnh hiệu quả cho gia súc, gia cầm. Môn học còn giới thiệu, cung cấp cho sinh viên những ứng dụng của công nghệ sinh học hiện đại trong việc sản xuất lĩnh vực thú y về sản xuất một số loại vaccine, kháng thể đơn dòng, và kháng huyết thanh dùng cho việc phòng và trị bệnh cho gia súc, gia cầm. Những ứng dụng mới của công nghệ sinh học trong chế biến thực phẩm, xử lý phế thải và bảo vệ môi trường.	Khoa Nông nghiệp
100	NN571	Luận văn tốt nghiệp – Dược TY	15	Sau khi học hoàn trên 145/171 tín chỉ, sinh viên sẽ nhận một đề tài luận văn tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của 1 giảng viên. Sinh viên có thể đề xuất đề tài hoặc được phân giao bởi cán bộ hướng dẫn. Đề tài luận văn đa dạng bao gồm các lĩnh vực như bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng, bệnh nội ngoại sản khoa, vi sinh, dược lý, bào chế và kiểm nghiệm dược thú y, kiểm nghiệm sản phẩm động vật, thụ tinh nhân tạo, vệ sinh thú y, sinh học phân tử... Sau khi nhận đề tài sinh viên lập kế hoạch thực hiện đề tài và tiến hành thực hiện đề tài ở trang trại và/hoặc phòng thí nghiệm để đạt được kết quả nghiên cứu. Sau đó sinh viên tiến hành tổng hợp, phân tích và viết luận văn theo mẫu quy định.	Khoa Nông nghiệp
101	NN562	Tiểu luận tốt nghiệp –	6	Học phần giúp sinh viên tổng hợp kiến thức đại cương và chuyên ngành Dược Thú y đã học. Từ đó, xây dựng định	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		Dược TY		<p>hướng và tiến hành một nghiên cứu khoa học cơ bản thuộc lĩnh vực Dược Thú y như dược lý, dược lực, bào chế, kiểm nghiệm sản phẩm dược Thú y.</p> <p>Kết quả tổng hợp của học phần này cùng với học phần Dược Thú y chuyên ngành 1, 2 được xem xét tương đương Luận văn tốt nghiệp.</p>	
101	NS254	Dược TY chuyên ngành 1	4	<p>Học phần này được giảng dạy nhằm mục đích cung cấp kiến thức tổng hợp chuyên ngành Dược Thú y giúp sinh viên vận dụng khi thực hiện Tiêu luận tốt nghiệp, cũng như công tác nghiệp vụ Dược Thú y (bào chế, kiểm nghiệm dược phẩm) sau này.</p> <p>Học phần này cung cấp các kiến thức tổng hợp từ các lĩnh vực hoá dược, bào chế, kiểm nghiệm dược và Luật Dược – Thú y .</p>	Khoa Nông nghiệp
103	NS255	Dược TY chuyên ngành 2	5	<p>Học phần này được giảng dạy nhằm mục đích cung cấp kiến thức tổng hợp chuyên ngành Dược Thú y (dược lý, dược động-lực học và độc tính của thuốc), giúp sinh viên vận dụng khi thực hiện Tiêu luận tốt nghiệp, cũng như công tác nghiệp vụ Dược Thú y sau này. Học phần gồm: 6 chương lý thuyết cung cấp kiến thức về các vấn đề chuyển hoá, tồn dư và độc tính của thuốc; 5 bài thực hành cung cấp những phương pháp căn bản trong việc đánh giá tác động của thuốc.</p>	Khoa Nông nghiệp

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào đặc trưng của từng ngành học, nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học có thể gồm những hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng (tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông trại,...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học, giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy học đa dạng như sau: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp học qua dự án, phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp học qua tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập,...

6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt tiến trình đào tạo) và đánh giá tổng hợp thực hiện định kỳ vào giữa và cuối các tiến trình học tập (ví dụ như đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ). Các phương pháp đánh giá trực tiếp và gián tiếp thông qua: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp,...

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trần Ngọc Bách

PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN